

Bản án số: 45/2026/DS-ST.

Ngày: 28/8/2026.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

2. Ông Đinh Văn Tân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Tiến Trường – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 7 - tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 66/2026/TLST- DS ngày 31 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1025/2026/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 1036/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2026 đối với các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty cổ phần MBN Jupiter

Nay là: Công ty cổ phần J2 (J2)

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, Số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T – TGD Công ty cổ phần J2 – Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Phúc T1 – Trưởng phòng xử lý nợ Auto.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Văn N – chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Tầng C, Tòa nhà P số B, Đại lộ L, phường H, tỉnh Thanh Hóa.

**Bị đơn:** Ông Hoàng Đình Đ, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Xóm T (nay là thôn B), xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt ông Phạm Văn N. Vắng mặt ông Hoàng Đình Đ (lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Công ty cổ phần J2, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Hoàng Đình Đ vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (V1), theo Hợp đồng cho vay số: LN2107274070279 ngày 30/07/2021, số tiền vay 627.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay 96 tháng, mục đích vay thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu NISSAN, NAVARA 2WD tiêu chuẩn 2.5L, AT, 4x2, động cơ dầu sản xuất mới 100%. Các kỳ trả nợ gốc, trả định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/8/2021, số tiền gốc ông Đ phải trả mỗi kỳ là 6.530.000 đồng, riêng kỳ cuối trả hết số tiền còn nợ. Lãi suất tại thời điểm cho vay 6,8% /năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày 31/07/2021. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31/7/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/10/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,6%/năm. Trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/8/2021. Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là 01 xe ô tô nhãn hiệu hiệu NISSAN, NAVARA 2WD tiêu chuẩn 2.5L, AT, 4x2, động cơ dầu, biển số đăng ký 36C- 362.96, số khung MNTCCAD23Z0003781, số máy YD25970629T. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS 36C- 362.96 do Phòng C - Công an tỉnh T cấp, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Đình Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2107274070279 ngày 30/7/2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng nêu trên, ông Hoàng Đình Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ với V1, theo đó toàn bộ khoản nợ chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 15/12/2022 theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký với V1.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 03-30/06/2023/GLX-VPB ngày 30/6/2023 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V1) với Công ty TNHH M1 (G), Hợp đồng mua bán nợ số 09/HĐMBN/GALAXY-JUPITER ngày 12/07/2024 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty TNHH M1 và Công ty cổ phần J2 (J2). V1 đồng ý bán và G đồng ý mua, sau đó G đồng ý bán và J đồng ý mua khoản nợ của khách hàng, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Hoàng Đình Đ đã ký kết với V1. Cụ thể, 100% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2107274070279 ngày 30/07/2021.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần J2 kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của V1 phát sinh từ hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo.

Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Hoàng Đình Đ đã trả được 97.950.000 đồng tiền gốc và 52.727.040 đồng tiền lãi.

Tạm tính đến ngày 28/8/2026 ông Hoàng Đình Đ còn nợ J 1.012.128.373 đồng, trong đó nợ gốc là 529.050.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 20.551.680 đồng và nợ lãi quá hạn là 462.526.693 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng V1 cũng như J đã nhiều lần đơn đốc, nhắc nhở nhưng đến nay ông Đ vẫn không thanh toán khoản vay nợ. Vì vậy, J đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết buộc ông Hoàng Đình Đ phải thanh toán cho J toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 28/8/2026 là 1.012.128.373 đồng và tiếp tục chịu lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà ông Đ đã ký kết với V1 cho đến khi ông Hoàng Đình Đ thực tế thanh toán hết nợ cho J1. Trường hợp ông Đ không thực hiện được nghĩa vụ thì đề nghị Tòa án cho phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD biển số đăng ký 36C- 362.96 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Hoàng Đình Đ, theo Hợp đồng thế chấp số LN2107274070279 ngày 30/7/2021 để làm cơ sở cho thi hành án. Trường hợp tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vẫn không đủ thì J có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên, phát mại các tài sản của ông Đ để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Hoàng Đình Đ sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của ông Đ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền lại của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn quá trình giải quyết vụ án không đến để làm việc theo giấy báo của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Trả lại cho J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP V là pháp nhân hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Ngân hàng đã ký kết hợp đồng tín dụng với

ông Hoàng Đình Đ để cho ông Đ vay tiền, mục đích sử dụng vốn vay là mua xe ô tô. Quá trình thực hiện hợp đồng, V1 đồng ý bán và G đồng ý mua, sau đó G đồng ý bán lại và J đồng ý mua lại toàn bộ khoản nợ của khách hàng vay. Do ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Jupiter khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải trả số tiền nợ gốc đã vay còn lại và tiền lãi, tiền phí phát sinh theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Ông Đ có hộ khẩu thường trú tại xã B, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ, thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng đối với ông Hoàng Đình Đ nhưng ông Đ vẫn không có mặt để tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Ông Hoàng Đình Đ không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và ông Hoàng Đình Đ đã được hai bên thống nhất, thỏa thuận, ký kết, hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do vậy, Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân cho ông Đ vay số tiền gốc là 627.000.000 đồng (Sáu trăm, hai mươi bảy triệu đồng). Do ông Hoàng Đình Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên J đã khởi kiện ra Tòa án là có căn cứ.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc: Căn cứ vào hợp đồng cho vay số LN2107274070279 ngày 30/07/2021 cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện vào ngày 30/7/2021 ngân hàng đã giải ngân cho ông Đ vay số tiền là 627.000.000 đồng (sáu trăm hai mươi bảy triệu đồng), thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân. Bên vay phải trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/8/2021. Số tiền gốc mà bên vay phải trả mỗi kỳ là 6.530.000 đồng, riêng kỳ cuối trả dứt nợ khoản vay. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã trả gốc đúng thời hạn được một thời gian, tuy nhiên từ ngày 15/12/2022, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. V1 và J đã thực hiện nhiều biện pháp để đôn đốc thu hồi nợ nhưng ông Đ vẫn cố tình không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến ngày xét xử (ngày 28/8/2026) ông Đ mới trả được nợ gốc cho ngân hàng là 97.950.000 đồng (chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, số tiền nợ gốc ông Đ còn phải trả cho J là 529.050.000 đồng. Vì vậy, yêu

cầu khởi kiện của J về việc đề nghị Tòa án buộc ông Hoàng Đình Đ phải trả khoản tiền nợ gốc đã vay còn lại là 529.050.000 đồng (năm trăm hai mươi chín triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với khoản tiền lãi: Tại nội dung của Hợp đồng cho vay số LN2107274070279 ngày 30/07/2021, lãi suất tại thời điểm cho vay 6,8%/năm, cố định trong 12 tháng kể từ ngày 31/07/2021. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần vào các ngày đầu quý hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 31/7/2022, ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 01/10/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 96 tháng được bên ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,6%/năm. Trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/8/2021. Lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.

Quá trình vay nợ, ông Đ đã trả lãi đúng hạn được một thời gian, tuy nhiên đến ngày 15/12/2022 ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi nên toàn bộ số nợ bị chuyển sang nợ quá hạn. Vì vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết nên J yêu cầu ông Đ phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, J chỉ yêu cầu ông Đ phải trả lãi trong hạn và lãi quá hạn của khoản vay.

Do đó, số tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử (ngày 28/8/2026) theo mức lãi suất mà hai bên đã ký kết trong hợp đồng, ông Đ mới trả được 52.727.040 đồng tiền lãi trong hạn và quá hạn, lãi trong hạn còn phải trả là 20.551.680 đồng, lãi quá hạn còn phải trả là 462.526.693 đồng.

Tổng số tiền lãi ông Đ còn phải trả cho J là 483.078.373 đồng (bốn trăm tám mươi ba triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Do ông Hoàng Đình Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận, ký kết nên J khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ phải trả số tiền nợ gốc còn lại và tiền lãi phát sinh là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Hoàng Đình Đ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho J số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/8/2026 là 1.012.128.373 đồng (một tỷ, không trăm mười hai triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: tiền gốc là 529.050.000 đồng, tiền lãi là 483.078.373 đồng.

Kể từ ngày 29/8/2026, ông Đ còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của ông Hoàng Đình Đ đối với khoản vay của ngân hàng các bên đã ký kết hợp đồng thế chấp số

LN2107274070279 ngày 30/7/2021. Theo nội dung của hợp đồng thế chấp, ông Đ đã thế chấp tài sản của mình là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD tiêu chuẩn 2.5L, AT, 4x2, động cơ dầu, biển số đăng ký 36C- 362.96, số khung MNTCCAD23Z0003781, số máy YD25970629T. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 36C- 362.96 do Phòng C - Công an tỉnh T cấp, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Đình Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Xét thấy, hợp đồng thế chấp được thỏa thuận, ký kết bởi những người có đủ năng lực, thẩm quyền. Do vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp, là căn cứ pháp lý phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng. Vì vậy, yêu cầu về việc được đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Đ, là có căn cứ.

Ngày 29/7/2026, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản ông Đ đã thế chấp với ngân hàng. Tuy nhiên, Tòa án không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được do vắng mặt bị đơn và không có tài sản để xem xét, thẩm định.

Số tiền phát mại tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho J nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông Hoàng Đình Đ, nếu thiếu ông Đ tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với J.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết, nên HDXX không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của J được chấp nhận nên ông Hoàng Đình Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, các Điều 317, 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của J về việc yêu cầu bị đơn ông Hoàng Đình Đ phải trả khoản tiền vay tại hợp đồng cho vay số LN2107274070279 ngày 30/07/2021

- Buộc bị đơn ông Hoàng Đình Đ phải chịu trách nhiệm trả nợ cho J số tiền gốc còn nợ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 28/8/2026 là 1.012.128.373 đồng (một tỷ, không trăm mười hai triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: tiền gốc là 529.050.000 đồng, tiền lãi là 483.078.373 đồng.

Kể từ ngày 29/8/2026, ông Hoàng Đình Đ còn phải tiếp tục chịu thêm khoản tiền lãi, phí phát sinh của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Đình Đ không trả nợ cho J thì J có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp số LN2107274070279 ngày 30/7/2021 đã ký giữa bên thế chấp là ông Hoàng Đình Đ và bên nhận thế chấp là V1. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu NISSAN, NAVARA 2WD tiêu chuẩn 2.5L, AT, 4x2, động cơ dầu, biển số đăng ký 36C-362.96, số khung MNTCCAD23Z0003781, số máy YD25970629T. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS 36C- 362.96 do Phòng C - Công an tỉnh T cấp, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hoàng Đình Đ. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp. Số tiền phát mại các tài sản bảo đảm thu được sau khi trả nợ cho J nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông Đ nếu thiếu ông Đ tiếp tục phải hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với J.

- Về án phí: Buộc ông Hoàng Đình Đ, phải nộp 42.363.851 đồng (bốn mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm năm mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.867.842 đồng (mười tám triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002357 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hương Giang**

